

Số: /KH-THPTNVT

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2025 - 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;
- Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;
- Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;
- Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;
- Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025- 2026;
- Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;
- Công văn số 867/SGDĐT- GDTrH&HSSV ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025- 2026;

- Công văn số 954/SGDĐT- GDTrH&HSSV ngày 04/9/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025- 2026;

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

1. Môi trường bên ngoài

a) Thời cơ

- Trong những năm qua, Việt Nam có tốc độ phát triển kinh tế cao, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng nâng lên, an ninh quốc phòng giữ vững, uy tín và vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng tăng. Đảng và Nhà nước ta luôn xác định “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Đó là những điều kiện thuận lợi để đổi mới giáo dục đáp ứng yêu cầu cho sự nghiệp phát triển đất nước;

- Đặc biệt Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đã là một dấu mốc lịch sử – thể hiện sự quyết tâm chính trị ở tầm cao nhất, đặt giáo dục vào vị trí “trọng tâm”, như chìa khóa quyết định tương lai dân tộc; tạo ra bước chuyển mạnh mẽ, đủ sức đưa nền giáo dục vươn lên ngang tầm các quốc gia phát triển trong khu vực và thế giới.

- Cùng với cả nước, thành phố Đà Nẵng đã có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội. Sự phát triển kinh tế tạo tiền đề cho văn hóa - xã hội phát triển, đời sống vật chất và tinh thần, trình độ dân trí của nhân dân không ngừng được nâng lên, nhân dân có điều kiện để đầu tư cho con, em học tập. Học sinh thành phố Đà Nẵng có truyền thống hiếu học, học giỏi. Phụ huynh và nhân dân quan tâm đầu tư cho con em học tập;

- Nhà trường nhận được sự lãnh đạo, quan tâm của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) phường Hòa Xuân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, mạng xã hội tạo điều kiện cho việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 rất thuận lợi.

b) Thách thức

- Thực hiện nhiệm vụ năm học trong bối cảnh điều chỉnh địa giới hành chính, sắp xếp, tinh gọn bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp chắc chắn sẽ gặp những khó khăn nhất định.

- Nhận thức của một bộ phận phụ huynh chưa đầy đủ về đổi mới giáo dục. Yêu cầu của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên, nhân viên, học sinh phải có chuyển biến, thay đổi. Yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với chất lượng giáo dục của nhà trường đòi hỏi nhà trường đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Công nghệ thông tin phát triển mạnh, đòi hỏi hoạt động giáo dục của nhà trường không ngừng đổi mới và phát triển. Mặt trái, sự tác động tiêu cực của mạng xã hội trên các nền tảng truyền thông đa phương tiện cũng là một thách thức cho công tác giáo dục đạo đức, nhân cách học sinh.

- Đời sống kinh tế của một số gia đình học sinh vẫn còn nhiều khó khăn, một

số cha mẹ phải gửi con lại cho người thân nuôi dưỡng để mưu sinh nên công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình có phần ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục nói chung.

2. Môi trường bên trong

a) Thuận lợi

- Nguồn lực con người:

+ Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo về cơ cấu và trình độ chuyên môn. Trường hiện có tổng số 75 người, trong đó lãnh đạo: 03, giáo viên: 62, nhân viên: 10; trình độ chuyên môn: CBQL (01 thạc sĩ; 02 đại học); Giáo viên (17 thạc sĩ, 45 đại học). Tập thể thầy cô giáo có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác, tận tụy với học sinh, yêu nghề, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; có tinh thần chủ động, sáng tạo, gắn bó với nhà trường; luôn mong muốn nhà trường phát triển, khẳng định thương hiệu về chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT.

+ Ban Đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình, phối hợp thường xuyên và có hiệu quả với nhà trường trong quản lý, giáo dục học sinh. Các lực lượng khác trong xã hội, người dân chung quanh vùng đều có sự đồng thuận và tin yêu với nhà trường.

+ Chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng học tập đại trà của học sinh tương đối đồng đều, tỉ lệ học sinh xếp học lực Khá, Giỏi năm học sau tăng cao hơn năm học trước; điểm chuẩn đầu vào tuyển sinh lớp 10 năm sau cao hơn năm trước.

+ Hàng năm, nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao khả năng ứng dụng CNTT, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, học bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ.

- Cơ sở vật chất:

+ Tổng diện tích đất: 21.257m², bình quân 20 m²/ 01 học sinh (mức chuẩn chung đô thị là 8m²/01 học sinh). Trang thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu dạy học tối thiểu trong nhà trường.

+ Trường được nhiều tập thể, cá nhân hỗ trợ cây xanh, cây cảnh, ghế đá... làm cho cảnh quan sư phạm ngày càng đẹp hơn.

+ Tài chính, ngân sách nhà nước đảm bảo đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của nhà trường.

b) Khó khăn

Đội ngũ giáo viên chưa cân đối giữa các bộ môn. Một số ít giáo viên chưa năng động, linh hoạt, chậm đổi mới phương pháp giáo dục, chưa chủ động tiếp cận chương trình đổi mới. Giáo viên còn ngại thực hiện dạy học theo định hướng STEM, tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

a) Xây dựng môi trường giáo dục công bằng và hạnh phúc; đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng tiếp cận trình độ tiên tiến của quốc gia. Chú trọng giáo dục cả về kiến thức, kỹ năng và đạo đức lối sống, thể chất theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

b) Chú trọng phát triển đội ngũ nhà giáo và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục gắn với xây dựng trường chuẩn quốc gia.

c) Thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỉ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả. Đảm bảo hoàn thành chương trình năm học theo khung thời gian đã được cấp trên ban hành.

d) Xây dựng và thực hiện Đề án “Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025 - 2030”.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về chất lượng giáo dục

- Xếp loại học lực của học sinh: xếp loại Khá, Tốt đạt 90% trở lên.
- Xếp loại rèn luyện của học sinh: xếp loại Khá, Tốt đạt 95% trở lên.
- Thi học sinh giỏi thành phố: Phần đầu tỉ lệ giải 60% học sinh dự thi có giải (Có giải nhất).
- Thi Khoa học kĩ thuật cấp thành phố: Phần đầu 100% dự án dự thi đạt giải.
- Tỉ lệ học sinh lên lớp: 100% (sau khi kiểm tra lại, rèn luyện trong hè).
- Thi tốt nghiệp THPT: Phần đầu đỗ 100%.
- Tuyển sinh vào đại học, cao đẳng: 95% (trên tổng số thí sinh đăng kí).

b) Giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh, y tế học đường

- Tổ chức và tham gia đầy đủ các Hội thi về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh.
- 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế và được chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.

d) Thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua

- 100% học sinh tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua: Thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; phong trào thi đua “Dạy tốt học tốt”.

- Mỗi bộ môn tổ chức 01 hoạt động ngoại khóa hoặc hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026

- Tổ chức khai giảng vào ngày 05 tháng 9 năm 2025.

- Học kỳ I: 18 tuần thực học từ ngày 05/9/2025 - 11/01/2026. Kết thúc học kỳ I trước ngày 18/01/2026.

- Học kỳ II: 17 tuần thực học. Hoàn thành chương trình và kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026

- Hoàn thành tuyển sinh lớp 10 trước ngày 31/7/2026.

- Thi tốt nghiệp THPT năm 2026 dự kiến ngày 11, 12/6/2026.

2. Nội dung, hình thức tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

Triển khai dạy học 2 buổi/ngày theo lộ trình. Trong đó:

- Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn, chuyên đề học tập, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Buổi 2: Tổ chức ôn tập, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông; bồi dưỡng học sinh giỏi; ôn thi tốt nghiệp THPT; tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, tư vấn hướng nghiệp, hoạt động tình nguyện; giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về ATGT, giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, văn hóa, nghệ thuật và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh.

Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: học tập theo nhóm học sinh có cùng trình độ, sở thích; tổ chức các câu lạc bộ, hướng dẫn học sinh tự học, kết hợp giữa học tập trong lớp học và các hoạt động giáo dục ngoài lớp học, ngoài nhà trường; phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động giáo dục phù hợp nhằm hỗ trợ việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

3. Kế hoạch dạy học các môn học

a) Hoạt động giáo dục chính khóa (Phụ lục đính kèm).

b) Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Căn cứ theo Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và danh mục sách giáo khoa đã được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt để xây dựng phân phối chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Phân công giáo viên dạy học, phụ trách lớp học, kiểm tra đánh giá học sinh. Hoàn thành chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo học kì, năm học.

Ưu tiên phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn của giáo viên; giáo viên đảm nhận nội dung nào được thể hiện trên kế hoạch giáo dục và được tính giờ thực hiện đối với nội dung đó theo phân phối chương trình (không trùng với nhiệm vụ của giáo viên làm chủ nhiệm lớp theo quy định hiện hành). Xây

dựng kế hoạch giáo dục trong đó xác định cụ thể nội dung hoạt động và thời lượng thực hiện theo từng loại hình hoạt động quy định trong chương trình; linh hoạt thời lượng dành cho các loại hình hoạt động với quy mô tổ chức khác nhau giữa các tuần; phân định rõ thời lượng dành cho hoạt động chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp và các hoạt động giáo dục tập thể khác của nhà trường bảo đảm không trùng với thời lượng thực hiện các nội dung theo chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

c) Nội dung giáo dục của địa phương

Hiệu trưởng thành lập Ban phụ trách nội dung giáo dục của địa phương. Căn cứ theo tài liệu Giáo dục của địa phương đã được Bộ GDĐT phê duyệt để xây dựng phân phối chương trình. Phân công giáo viên dạy học, phụ trách lớp học, kiểm tra đánh giá học sinh. Hoàn thành chương trình Nội dung giáo dục của địa phương theo học kì, năm học. Ưu tiên phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn của giáo viên. Xây dựng kế hoạch dạy học các chủ đề/bài học nội dung giáo dục của địa phương phù hợp với kế hoạch dạy học các môn học có nội dung liên quan.

4. Các hoạt động giáo dục

a) Bồi dưỡng học sinh giỏi

Đầu năm học, nhà trường tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi khối lớp 12 gồm 10 môn (Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục KTKL, Tin học, Ngữ Văn, Tiếng Anh), mỗi tuần 02 tiết, bắt đầu triển khai từ tuần 2 năm học 2025-2026. Trên cơ sở đó, nhà trường phân công giáo viên có năng lực và kinh nghiệm phụ trách công tác bồi dưỡng cho học sinh lớp 12, thành lập đội tuyển tham gia dự thi học sinh giỏi cấp thành phố. Nhà trường Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi khối lớp 10 và 11 dự kiến triển khai vào cuối học kỳ I.

b) Phụ đạo học sinh yếu kém

Dựa vào kết quả khảo sát chất lượng học sinh và kết quả thi thử tốt nghiệp, nhà trường sẽ triển khai phụ đạo cho học sinh các môn: Toán, Ngữ Văn và các môn học khác tùy theo tình hình thực tế. Phân công giáo viên dạy phụ đạo 02 tiết/tuần/ môn.

5. Sinh hoạt các Câu lạc bộ

Duy trì nền nếp sinh hoạt các Câu lạc bộ chuyên môn như: Tiếng Anh, Văn học, Bóng đá, Cầu lông, Bóng rổ và các Câu lạc bộ kỹ năng như: Truyền thông, Nghệ thuật... nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục tại trường.

V. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường trách nhiệm cá nhân trong công tác quản lí, quản trị nhà trường và trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

a) Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng chủ động xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; sắp xếp thời khóa biểu phù hợp cho cả năm học hoặc ít nhất cho từng học kì, bảo đảm số tiết/tuần theo quy định dành cho mỗi giáo viên.

Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm xây dựng Kế hoạch giáo dục của Tổ/nhóm chuyên môn, bảo đảm thời lượng quy định trong chương trình và bố trí dạy học trong mỗi học kì một cách hợp lí, khoa học; không bắt buộc phải bố trí số tiết dạy học của môn học đều ở tất cả các tuần. Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của từng môn học, hoạt động giáo dục theo hướng sắp xếp lại các bài học trong sách giáo khoa thành bài học theo chủ đề phù hợp với các chủ đề tương ứng trong chương trình, xây dựng một số bài học theo chủ đề liên môn đối với những kiến thức giao thoa giữa các môn học, tạo thuận lợi cho việc thiết kế tiến trình dạy học thành các nhiệm vụ học tập của học sinh theo phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực để thực hiện ở trong và ngoài lớp học.

Giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017 - 2018, Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Kế hoạch giáo dục của giáo viên, của Tổ/Nhóm chuyên môn phải có sự phê duyệt của Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn.

b) Khi xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình các môn học, cần lưu ý những nội dung sau:

- Giáo dục địa phương và dạy học lồng ghép, tích hợp:

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; tích hợp nội dung giáo dục quyền con người trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (cấp THPT) theo Quyết định số 4745/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đào tạo từ năm học 2013 - 2014 và Công văn số 331/SGDĐT-GDTrH ngày 29/01/2021 về việc hướng dẫn thực hiện đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục; tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các nội dung giáo dục pháp luật về an toàn giao thông; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đạo đức liêm chính; giáo dục bình đẳng giới; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, loà cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục tăng cường năng lực số, kĩ năng chuyển đổi và các nội dung giáo dục lồng ghép khác

Đối với các môn học khác: giáo viên giảng dạy tích hợp, lồng ghép nội dung vào các bài học có nội dung thích hợp (Giáo dục môi trường, biến đổi khí hậu; Giáo dục kĩ năng sống, văn hóa ứng xử trong trường học; trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng

chống các dịch bệnh; giáo dục về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, giáo dục sức khỏe tâm thần, giáo dục giới tính; phòng chống tác hại của thuốc lá; an toàn giao thông, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy...).

- Công tác chủ nhiệm và Giáo dục hòa nhập

Giáo viên chủ nhiệm (GVCN) phải có kế hoạch chặt chẽ, theo dõi quá trình học tập, các giờ sinh hoạt lớp, các buổi sinh hoạt ngoại khóa và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (GDNGLL); thường xuyên theo dõi sổ đầu bài, thông báo thi đua, tham khảo ý kiến giáo viên bộ môn và phối hợp với các đoàn thể, gia đình học sinh để có biện pháp giáo dục thích hợp; kết hợp kết quả thi đua của lớp để nhận xét, đánh giá về rèn luyện hạnh kiểm học sinh hợp lý.

GVCN chủ động phối hợp với các giáo viên bộ môn và gia đình học sinh để xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế cho mỗi học sinh khuyết tật học hòa nhập trong lớp mình chủ nhiệm (nếu có).

- Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh và các hoạt động ngoại khóa

Triển khai các môn học thể dục tự chọn phù hợp với năng khiếu và sở thích của học sinh. Thực hiện đúng quy định về hướng dẫn giảng dạy, đánh giá các môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh.

Triển khai thực hiện các chủ đề của biên chế năm học, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tập thể (Ngày hội Văn hóa dân gian, Hội diễn Văn nghệ, Hội khỏe Phù Đổng...) phù hợp với đặc điểm của nhà trường.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

a) Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học;

b) Thực hiện đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học, tăng cường năng lực tự học, trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, hướng học sinh phát huy năng lực tư duy giải quyết vấn đề; thực hiện hiệu quả việc lựa chọn linh hoạt, phù hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trên cơ sở đặc điểm nội dung bài học, yêu cầu cần đạt của chương trình và đối tượng học sinh; phát huy vai trò của giáo viên trong việc tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh chủ động, tích cực, tự giác và phát triển năng lực tự học trong suốt quá trình học tập. Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, bảo đảm tính hấp dẫn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh;

c) Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường. Tăng cường bồi dưỡng, phát triển năng lực cho giáo viên trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để áp dụng hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học trong bối cảnh hiện nay.

d) Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để từng bước hoàn thiện kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường;

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

a) Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh THCS và học sinh THPT, không vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình, lưu ý một số nội dung như: xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; tăng cường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập. Đối với môn Ngữ văn, tránh sử dụng những văn bản, đoạn trích đã được học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu và viết trong các đề kiểm tra định kì nhằm khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn theo hướng dẫn tại Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

b) Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Trong đó, việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi - đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho học sinh về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho học sinh tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của học sinh theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy.

- Tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học; chuẩn bị cho học sinh lớp 12 làm quen với định hướng đề thi tốt nghiệp THPT (Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cấu trúc định dạng đề thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025).

- Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương: giáo viên được phân công dạy học nội dung nào thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với nội dung đó; khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập.

- Việc kiểm tra, đánh giá cụm chuyên đề học tập lựa chọn của cấp THPT được thực hiện theo khoản 3, Điều 6 tại Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi nhận vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh thuộc học kì khi kết thúc dạy học cụm chuyên đề học tập.

- Đối với học sinh chuyển đổi môn học thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 68/BGDĐT-GDTrH ngày 06/01/2023 của Bộ GDĐT và Công văn số 99/SGDĐT-GDTrH ngày 12/01/2023. Nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá việc tự bổ sung kiến thức, kỹ năng của học sinh theo nội dung, yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình

môn học tính đến thời điểm kiểm tra và được thực hiện tương tự như bài kiểm tra, đánh giá định kì. Kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh, tại cột *Ghi chú* của môn học, thuộc học kì II; đồng thời ghi vào Học bạ tại ô “*Kết quả học tập, rèn luyện trong hè*” (*Ghi rõ thông tin: Điểm kiểm tra chuyển đổi sang môn ...: “số điểm”*).

- Về việc kiểm tra, đánh giá lại theo quy định Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT, học sinh chưa đủ điều kiện lên lớp có quyền được đánh giá lại đối với các môn học chưa đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 14. Trường hợp học sinh không có nguyện vọng được đánh giá lại tất cả các môn học chưa đạt yêu cầu thì nhà trường có thể cho học sinh được lựa chọn số môn học để được đánh giá lại và sử dụng kết quả đánh giá lại để xét lên lớp theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lí và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở GDPT và cơ sở giáo dục thường xuyên, có quy định và hướng dẫn sử dụng việc kiểm tra, đánh giá trực tuyến khi áp dụng cho các môn học và hoạt động giáo dục, bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực của học sinh.

4. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên và CBQL giáo dục

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để CBQL, giáo viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Bố trí, sắp xếp để nhân viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm theo quy định.

- Thực hiện quản lí, đánh giá đội ngũ giáo viên, CBQL giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; chuẩn Hiệu trưởng. Rà soát cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục; đề xuất Sở GDĐT tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình quy định.

b) Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

- Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, học liệu để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học; đầu tư và tận dụng tối đa cơ sở vật chất của nhà trường để tổ chức dạy học, bảo đảm chủ động, linh hoạt thực hiện chương trình.

- Tiếp tục phát triển nguồn video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử, thiết bị dạy học điện tử; xây dựng tài liệu dạy học điện tử để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

- Phân đầu xây dựng phòng bộ môn đạt chuẩn, thư viện đạt chuẩn.

5. Thực hiện giáo dục kĩ năng số, triển khai học bạ số

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục

Xây dựng các giải pháp để triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” phù hợp với kế hoạch, chương trình hành động của ngành giáo dục và Kế hoạch chuyển đổi số tại địa phương. Tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá; phát triển kho học liệu số, học liệu mở; triển khai hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nhà trường, học bạ số, hồ sơ giáo viên điện tử. Gắn kết hoạt động chuyển đổi số với đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực số của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn ngành.

Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động chuyên môn dưới hình thức trực tuyến như dạy học, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, hội thảo học thuật; triển khai các nền tảng hỗ trợ đào tạo giáo viên qua mạng, xây dựng nội dung tập huấn đáp ứng thực tiễn. Chủ động xây dựng các kịch bản, phương án tổ chức dạy học trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh hoặc các tình huống bất thường, bảo đảm duy trì hoạt động giáo dục liên tục, không gián đoạn, hướng đến mục tiêu “giáo dục trong mọi hoàn cảnh”.

b) Triển khai thực hiện Khung Năng lực số, Học bạ số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) đổi mới công tác quản lý giáo dục

Thực hiện hiệu quả các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT bảo đảm hình thành và phát triển các năng lực thiết yếu của công dân số trong học sinh. Thực hiện các nhiệm vụ về Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ chuyển đổi số ngành giáo dục.

Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn trong quản lý và dạy học; đẩy mạnh tự động hóa công tác hành chính, sổ sách điện tử, thời khóa biểu, phân công chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất, giảm tải cho cán bộ, giáo viên. Khai thác, sử dụng hiệu quả AI trong hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp, cá nhân hóa học tập, nhận diện học sinh cần hỗ trợ, đánh giá chính sách góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả quản trị nhà trường.

6. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

Triển khai nghiêm túc nội dung giáo dục hướng nghiệp theo đúng chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, đổi mới nội dung sinh hoạt hướng nghiệp để vừa góp phần định hướng nghề nghiệp cho học sinh vừa giúp các em có hướng đi đúng vào các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề.

7. Tổ chức và tham gia có kết quả các kì thi, cuộc thi

Chuẩn bị tốt cho việc tổ chức và tham gia các kì thi, cuộc thi các cấp: tuyển sinh lớp 10, tốt nghiệp THPT; thi học sinh giỏi và Khoa học kĩ thuật cấp trường; thi học sinh giỏi lớp 12 cấp thành phố, Khoa học kĩ thuật cấp thành phố, Tin học trẻ thành phố....

Chủ động phối hợp với Ban Đại diện CMHS nhà trường trong việc lựa chọn và cử những học sinh xuất sắc (lớp 10 và lớp 11) tham gia dự thi Olympic 30/4.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo nhà trường có nhiệm vụ triển khai cụ thể kế hoạch với từng nội dung theo kế hoạch học kì, tháng, tuần phù hợp với kế hoạch thời gian năm học.

2. Các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng có nhiệm vụ cụ thể hóa kế hoạch năm học của nhà trường thành kế hoạch của tổ mình và triển khai thực hiện.

3. CBGVNV có nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ được phân công, đảm bảo nội dung, tiến độ và chất lượng công việc.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2025 - 2026, Hiệu trưởng yêu cầu các tập thể, cá nhân có liên quan căn cứ kế hoạch thực hiện./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường (phê duyệt);
- Sở GDĐT (báo cáo);
- HT, PHT;
- Các Tổ CM, Tổ VP;
- Lưu: VT, VP.

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Hùng Thương

PHỤ LỤC

Hoạt động giáo dục chính khóa

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số ... /KH-THPTNVNT ngàytháng 9 năm 2025
của Trường THPT Nguyễn Văn Thoại)

1. Đối với lớp 10

Năm học 2025 - 2026, khối lớp 10 (09 lớp) học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc gồm: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Giáo dục địa phương.

Các nhóm môn học lựa chọn và cụm chuyên đề học tập như sau:

- Nhóm 1 gồm: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học. Chuyên đề học tập: Toán, Vật lí, Hóa học: 03 lớp;

- Nhóm 2 gồm: Âm nhạc, Hóa học, Sinh, Tin học. Chuyên đề học tập: Toán, Hóa học, Sinh học: 01 lớp;

- Nhóm 3 gồm: Địa lí, GDKT và PL, Vật lí. Công nghệ (CN). Chuyên đề học tập: Ngữ văn, Lịch sử, GDKT và PL: 03 lớp;

- Nhóm 4 gồm: Địa lí, GDKT và PL, Sinh học, Công nghệ (NN). Chuyên đề học tập: Ngữ văn, Lịch sử, Sinh học: 01 lớp;

- Nhóm 5 gồm: Địa lí, GDKT và PL, Hóa học, Âm nhạc. Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, GDKT và PL: 01 lớp.

TT	Môn học	Số tiết lớp 10		
		Tổng	Học kì I	Học kì II
Môn học bắt buộc				
1	Toán	105	54	51
2	Ngữ Văn	105	54	51
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	105	54	51
4	Lịch sử	52	35	17
5	Giáo dục thể chất	70	36	34
6	Giáo dục quốc phòng và an ninh	35	18	17
7	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	54	51
8	Nội dung giáo dục địa phương	35	18	17
Môn học lựa chọn (lựa chọn 4 môn học)				
7	Vật lí	70	36	34
8	Hóa học	70	36	34
9	Sinh học	70	36	34
10	Địa lí	70	36	34
11	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	36	34
12	Công nghệ	70	36	34
13	Tin học	70	36	34
14	Âm nhạc	70	36	34
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học)				
Cụm chuyên đề Toán		35	18	17

TT	Môn học	Số tiết lớp 10		
		Tổng	Học kì I	Học kì II
	Cụm chuyên đề Ngữ văn	35	18	17
	Cụm chuyên đề Lịch sử	35	18	17
	Cụm chuyên đề Vật lí	35	18	17
	Cụm chuyên đề Hóa học	35	18	17
	Cụm chuyên đề Sinh học	35	18	17
	Cụm chuyên đề Địa lí	35	18	17
	Cụm chuyên đề Giáo dục kinh tế và pháp luật	35	18	17
	Cụm chuyên đề Tin học	35	18	17
Môn học tự chọn (không chọn)				
	Tổng số tiết	997	521	476
	Số tiết/tuần (cả năm học)	28,5	29	28

2. Đối với lớp 11

Năm học 2025 - 2026, khối lớp 11 (10 lớp) học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc gồm: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Giáo dục địa phương.

Các nhóm môn học lựa chọn và cụm chuyên đề học tập như sau:

- Nhóm 1 gồm: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học. Chuyên đề học tập: Toán, Vật lí, Hóa học: 03 lớp;
- Nhóm 2 gồm: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (NN). Chuyên đề học tập: Toán, Hóa học, Sinh học: 01 lớp;
- Nhóm 3 gồm: Vật lí, Hóa học, Công nghệ (CN), Tin học. Chuyên đề học tập: Toán, Vật lí, Ngữ văn: 02 lớp;
- Nhóm 4 gồm: Vật lí, Địa lí, GDKT và PL, Công nghệ (NN). Chuyên đề học tập: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí: 02 lớp;
- Nhóm 5 gồm: Sinh học, Địa lí, GDKT và PL, Công nghệ (NN). Chuyên đề học tập: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí: 01 lớp;
- Nhóm 6 gồm: Sinh học, Địa lí, Công nghệ (NN), Âm nhạc. Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Lịch sử: 01 lớp.

TT	Môn học	Số tiết lớp 11		
		Tổng	Học kì I	Học kì II
Môn học bắt buộc				
1	Toán	105	54	51
2	Ngữ Văn	105	54	51
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	105	54	51
4	Lịch sử	52	18	34
5	Giáo dục thể chất	70	36	34
6	Giáo dục quốc phòng và an ninh	35	18	17

TT	Môn học	Số tiết lớp 11		
		Tổng	Học kì I	Học kì II
7	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	54	51
8	Nội dung giáo dục địa phương	35	18	17
Môn học lựa chọn (lựa chọn 4 môn học)				
7	Vật lí	70	36	34
8	Hóa học	70	36	34
9	Sinh học	70	36	34
10	Địa lí	70	36	34
11	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	36	34
12	Công nghệ	70	36	34
13	Tin học	70	36	34
14	Âm nhạc	70	36	34
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học)				
Cụm chuyên đề Toán		35	18	17
Cụm chuyên đề Ngữ văn		35	18	17
Cụm chuyên đề Lịch sử		35	18	17
Cụm chuyên đề Vật lí		35	18	17
Cụm chuyên đề Hóa học		35	18	17
Cụm chuyên đề Sinh học		35	18	17
Cụm chuyên đề Địa lí		35	18	17
Cụm chuyên đề Giáo dục kinh tế và pháp luật		35	18	17
Cụm chuyên đề Tin học		35	18	17
Môn học tự chọn (không chọn)				
Tổng số tiết		997	504	493
Số tiết/tuần (cả năm học)		28,5	28	29

3. Đối với lớp 12

Năm học 2025 - 2026, khối lớp 12 (09 lớp) học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc gồm: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Giáo dục địa phương.

Các nhóm môn học lựa chọn và cụm chuyên đề học tập như sau:

+ Nhóm 1: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học. Các cụm chuyên đề: Toán, Vật lí, Hóa học: 02 lớp;

+ Nhóm 2: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (NN). Các cụm chuyên đề: Toán, Hóa học, Sinh học: 01 lớp;

+ Nhóm 3: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí. Các cụm chuyên đề: Toán, Hóa học, Sinh học: 01 lớp;

+ Nhóm 4: Vật lí, Hóa học, Tin học, Công nghệ (CN). Các cụm chuyên đề: Toán, Vật lí, Tin học: 02 lớp;

+ Nhóm 5: Sinh học, Địa lí, GDKT và PL, Công nghệ (NN). Các cụm chuyên

đề: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí: 01 lớp;

+ Nhóm 6: Vật lí, Địa lí, GDKT và PL, Công nghệ (CN). Các cụm chuyên đề: Ngữ văn, Địa lí, GD KT&PL: 01 lớp;

+ Nhóm 7: Vật lí, Địa lí, GDKT và PL, Tin học. Các cụm chuyên đề: Ngữ văn, Địa lí, GDKT và PL: 01 lớp.

TT	Môn học	Số tiết lớp 12		
		Tổng	Học kì I	Học kì II
Môn học bắt buộc				
1	Toán	105	54	51
2	Ngữ Văn	105	54	51
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	105	54	51
4	Lịch sử	52	35	17
5	Giáo dục thể chất	70	36	34
6	Giáo dục quốc phòng và an ninh	35	18	17
7	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	54	51
8	Nội dung giáo dục địa phương	35	18	17
Môn học lựa chọn (lựa chọn 4 môn học)				
7	Vật lí	70	36	34
8	Hóa học	70	36	34
9	Sinh học	70	36	34
10	Địa lí	70	36	34
11	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	36	34
12	Công nghệ	70	36	34
13	Tin học	70	36	34
14	Âm nhạc	70	36	34
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học)				
Cụm chuyên đề Toán		35	18	17
Cụm chuyên đề Ngữ văn		35	18	17
Cụm chuyên đề Lịch sử		35	18	17
Cụm chuyên đề Vật lí		35	18	17
Cụm chuyên đề Hóa học		35	18	17
Cụm chuyên đề Sinh học		35	18	17
Cụm chuyên đề Địa lí		35	18	17
Cụm chuyên đề Giáo dục kinh tế và pháp luật		35	18	17
Cụm chuyên đề Tin học		35	18	17
Môn học tự chọn (không chọn)				
Tổng số tiết		997	521	476
Số tiết/tuần (cả năm học)		28,5	29	28